

ĐỌC TIỂU THANH KÍ

(Đọc Tiểu Thanh kí)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm kiến thức về một vấn đề được các nhà thơ Việt Nam thế kỉ XVIII quan tâm : số phận của những người phụ nữ tài sắc.

– Thấy được Nguyễn Du đã mở rộng nội dung của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại : không chỉ quan tâm đến những người dân khốn khổ đói cơm rách áo mà còn quan tâm đến thân phận của những người làm ra những giá trị văn hoá tinh thần cao đẹp nhưng bị xã hội đối xử bất công, tàn tệ, gián tiếp nêu vấn đề về sự cần thiết phải tôn vinh, trân trọng những người làm nên các giá trị văn hoá tinh thần.

– Quan niệm về con người trong sáng tác Nguyễn Du đã toàn diện hơn : con người không chỉ cần có điều kiện vật chất để tồn tại mà cần có cả những giá trị tinh thần, cần tôn vinh cả những chủ nhân làm nên các giá trị văn hoá tinh thần đó.

– Thấy được thành công nghệ thuật của bài thơ về từ ngữ, về kết cấu,...

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Bài thơ nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du về những phụ nữ tài sắc mà bất hạnh. Để HS hiểu đúng, cần đọc kỹ *Tiểu dẫn* về nhân vật Tiểu Thanh và liên hệ Tiểu Thanh với một số nhân vật "hồng nhan bạc mệnh" của Nguyễn Du như Đạm Tiên, Kiều (*Truyện Kiều*). Thực ra vấn đề "hồng nhan bạc mệnh" không phải là vấn đề mới mẻ mà đã được nói đến từ trước (bất hạnh của người cung nữ cũng là bất hạnh của người tài sắc và *Cung oán ngâm khúc* đã có câu : *Oan chi những khách tiêu phong, – Mù xui phận bạc nằm trong má đào*). Nhưng dẫu sao người cung nữ cũng không phải là trường hợp phổ biến cho số phận tài sắc. Chỉ đến Nguyễn Du, ông mới chú ý đến một lớp người có thân phận thấp trong xã hội như nàng Tiểu Thanh, Kiều, Đạm Tiên. Họ đều có tài năng và sắc đẹp, nhất là tài năng nghệ thuật nhưng cuộc đời họ đều bất hạnh. Chủ nghĩa nhân đạo của bài thơ này là ở chỗ đó.

Đây cũng là loại bài thơ trong đó tác giả gửi gắm tâm sự. Nguyễn Du nhìn thấy số phận bản thân ông, một người cũng có tài năng văn chương, có chỗ tương đồng với

số phận những phụ nữ tài sắc. Do đó, ông khóc Tiểu Thanh cũng là cách thương cảm cho chính số phận của những nhà nho như mình. Nguyễn Du có thể thuộc những nhà thơ đầu tiên ở Việt Nam nghĩ về thân phận của những người nghệ sĩ trong xã hội phong kiến. Nói tóm lại, nhân vật phụ nữ tài sắc (kĩ nữ, ả đào) nhưng bất hạnh không chỉ là đối tượng cảm thông mà còn là đối tượng để nhà thơ thế kỉ XVIII – XIX gửi gắm nỗi niềm tâm sự của tầng lớp nghệ sĩ như mình.

2. Trọng tâm bài học

HS cần nắm được suy nghĩ của Nguyễn Du qua câu chuyện nàng Tiểu Thanh, về sự bất hạnh của những người có tài văn chương, nghệ thuật. Từ đó, có thể hiểu được đây là vấn đề mà Nguyễn Du trăn trở trong suốt cuộc đời sáng tác của mình. Nàng Tiểu Thanh có nhiều nét tương đồng với nàng Kiều.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Cho HS đọc văn bản và phần *Chú thích* để hiểu nội dung bài thơ. Cần hướng dẫn HS phác họa chân dung nàng Tiểu Thanh (qua việc đọc *Tiểu dẫn* và một số dấu hiệu được nhắc đến trong bài thơ). Nàng Tiểu Thanh có nhiều nét tương đồng với các nhân vật phụ nữ trong các sáng tác khác của Nguyễn Du, một nét nổi bật là có tài văn chương, nghệ thuật. Người đẹp, có tài âm nhạc, nghệ thuật, văn chương mà bất hạnh là loại nhân vật được Nguyễn Du quan tâm. Điều này rất có ý nghĩa, vì các nhà văn, nhà thơ viết về người phụ nữ, có thể quan tâm đến cả những người phụ nữ dưới đáy xã hội (những người đói rách), nhưng rõ ràng những phụ nữ có tài năng, có sắc đẹp tức là những người đại diện cho giá trị, là tinh hoa của giới phụ nữ mà số phận bất hạnh vẫn là đối tượng có nhiều vấn đề hơn để nhà thơ quan tâm đến.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Câu 1

Tiểu Thanh có tài văn chương nhưng các sáng tác của nàng bị đốt cháy, thân phận của nàng hẩm hiu, đau khổ. Điều này đã cung cấp thêm cho Nguyễn Du căn cứ để suy nghĩ về định mệnh nghiệt ngã của những người có tài văn chương, nghệ thuật. Nguyễn Du sẽ tiếp tục mạch suy nghĩ này với nhân vật Thuý Kiều có tài đàn, tài thơ mà số phận đã đánh ghen với tài năng của nàng.

Câu 2

Yêu cầu HS hiểu bốn câu thơ đầu và tổng hợp, suy luận. Nguyên văn chữ Hán *Cổ kim hận sự thiên nan ván* (dịch nghĩa : Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được – bản dịch chuyển sang nghĩa *hở*, không mạnh bằng). Mối hận "cổ kim" là gì ? Đó là mối hận của người xưa và người nay. Người xưa có thể là Tiểu Thanh và

những người như nàng. Người nay có thể bao gồm những phụ nữ "hồng nhan bạc mệnh" cùng thời Nguyễn Du và chính thế hệ những nhà thơ tài năng như Nguyễn Du đã gặp nhiều điều không may trong cuộc đời. Nguyễn Du cho rằng có một thông lệ, một định lệ là trời đã bất công với những con người tài sắc nên viết "Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi" (Chữ cổ kim cũng có hàm nghĩa của chữ quen thói trong *Truyện Kiều* : *Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*, chỉ một định lệ). Nhà thơ coi mình là người cùng hội cùng thuyền với nàng Tiểu Thanh nên viết tiếp câu sau đó : "Phong vận kì oan ngã tự cư" (Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong nhã). Câu thơ này giúp ta suy đoán nội dung hai chữ cổ kim như trên. Lời oán trách trời thể hiện nỗi đau khổ và bất bình của thế hệ nhà thơ ý thức về sự chà đạp giá trị của nghệ thuật và văn chương trong xã hội phong kiến. Đó cũng là tâm sự của Nguyễn Du. "Không thể hỏi trời được" vì câu hỏi đó không có lời giải đáp. Trời đã vô tình đối với số phận của những người có tài văn chương, nghệ thuật. Sự bất hạnh của họ đã tồn tại không chỉ với Tiểu Thanh trước Nguyễn Du đến hàng trăm năm mà tồn tại đối với cả những nhà thơ cách ông hàng ngàn năm như Đỗ Phủ. (Nguyễn Du viết trong bài *Lối Dương Đỗ Thiếu Lăng mộng* : *Nhất cùng chí thủ khởi công thi* – Ông cả cuộc đời cùng khổ như thế há vì hay thơ?)

Câu 3

Giá trị nhân đạo sâu sắc của bài thơ là ở chỗ Nguyễn Du đã đặt vấn đề về quyền sống của những người nghệ sĩ, những văn nghệ sĩ. Nàng Tiểu Thanh giỏi làm thơ nhưng thân phận bất hạnh, chết yểu, thơ bị đem đốt. Thương cảm cho họ là một cách Nguyễn Du bày tỏ sự trân trọng của mình trước những người nghệ sĩ. Nói cách khác, ông đã thấy ý nghĩa xã hội của người nghệ sĩ, người cống hiến cho cuộc đời những giá trị tinh thần tốt đẹp. Bày tỏ sự đồng cảm và thông cảm với họ là một dấu hiệu tiến bộ trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du. Nhà văn, nhà thơ không chỉ cần quan tâm, đồng cảm với những nạn nhân của xã hội phong kiến theo nghĩa những người dõi com rách áo, cần được chăm lo, bảo vệ mà còn phải biết thương yêu, trân trọng những chủ nhân của các giá trị văn hóa tinh thần. Khi những chủ nhân này lại là người phụ nữ thì sự đồng cảm của nhà thơ càng có ý nghĩa sâu sắc hơn.

Câu 4

Mỗi phần của bài thơ có một vai trò riêng đối với chủ đề bài thơ. Hai câu đầu tiên bắt đầu bằng một sự kiện cụ thể : tác giả hình dung quang cảnh hoang phế của Tây Hồ, nơi đã diễn ra cuộc đời đầy buồn tủi của nàng Tiểu Thanh, hình dung những mảnh giấy còn sót lại của tập thơ Tiểu Thanh, từ đó mà xúc cảm trỗi dậy. Đây là bài thơ được viết theo nguyên lý *Vật cảm thuyết* của thi pháp trung đại (tình do vật, tức là ngoại cảnh và sự kiện khơi gợi, tình được cảnh kích phát, gọi hưng). *Câu 1* tả cảnh (cảnh hoang phế của Tây Hồ), *câu 2* kể sự kiện (tác giả đọc tập truyện kí viết về Tiểu Thanh). Cảnh và sự vật sẽ dẫn đến suy nghĩ, cảm xúc. Hai câu thích thực nêu những suy nghĩ, liên tưởng được khơi gợi từ cảnh và vật. Hai câu này mới chủ yếu

giới hạn trong phạm vi suy nghĩ về số phận bất hạnh của nàng Tiểu Thanh, một người đẹp (son phấn) và tài văn chương. Hai câu luận bắt đầu khái quát, nâng vấn đề, liên hệ đến sự tương đồng giữa thân phận của bản thân tác giả với thân phận của nàng Tiểu Thanh và bình luận đây là chuyện đáng hận. Tiếng khóc ở hai câu kết cuối bài có ý nghĩa khái quát, như lời bình của Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân : người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình là mối thông luyến của bọn tài tử trong khắp cả gầm trời và suốt cả xưa nay. Bài thơ đi từ Cảnh và Sự cụ thể đến tư tưởng khái quát về thân phận chung của người tài sắc. Lê Quý Đôn nói làm thơ có ba điểm chính : Tình – Cảnh – Sự. Ta hiểu kết cấu của một bài thơ xưa thường có hai phần chính : Cảnh và Sự (thuộc về thế giới khách quan, gợi tình (cảm xúc, suy tư). Tất nhiên, "tỉ lệ" số câu thơ dành cho Cảnh – Sự và Tình ở mỗi bài thơ lại khác nhau. Ví dụ, bài *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi có tới 6 câu đầu dành cho Cảnh – Sự, 2 câu cuối dành cho Tình. Bài *Đọc Tiểu Thanh kí* lại chỉ có 2 câu dành cho Cảnh – Sự, còn 6 câu dành cho Tình.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Vận dụng các kiến thức trình bày nói trên để giải đáp các câu hỏi hướng dẫn. Để đánh giá mức độ nắm bắt bài học, nên đặt câu hỏi tổng hợp từ các câu hỏi đã cho, chẳng hạn như : "Hãy so sánh người chinh phụ và nàng Tiểu Thanh để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật phụ nữ trong sáng tác Nguyễn Du". Gợi ý : Chinh phụ cũng đau khổ nhưng là vì chiến tranh làm chia lìa đôi lứa, *Chinh phụ ngâm* không có chủ đề về bạc mệnh do tài sắc gây nên như sáng tác của Nguyễn Du mặc dù mở đầu cũng có câu *Thuở trời đất nổi con gió bụi, – Khách má hồng nhiều nổi truân chuyên*.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí *Tân Văn* (nguyệt san nghiên cứu và phê bình văn học), Sài Gòn, số 8, tháng 12 năm 1968.
2. Trần Đình Sử, "*Đọc Tiểu Thanh kí*" của Nguyễn Du, trong *Những thể giới nghệ thuật thơ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.